

Nội dung hướng dẫn giải Unit 10: Our houses in the future từ trang 36 đến trang 45 được chúng tôi biên soạn bám sát nội dung lý thuyết và bài tập bộ sách Tiếng Anh lớp 6 chương trình mới. Hy vọng đây sẽ là tài liệu tham khảo hữu ích giúp các em học tốt môn Tiếng Anh 6.

### ***Giải GETTING STARTED - Tiếng anh 6 mới trang 36 SGK***

#### **1. Listen and read (Nghe và đọc)**

#### **BÀI DỊCH: MY FUTURE HOUSE - NGÔI NHÀ TƯƠNG LAI CỦA TÔI**

Nick: Bạn đang làm gì thế, Phong?

Phong: Mình đang vẽ ngôi nhà của mình.

Nick: Ngôi nhà của bạn ư! Đó là đĩa bay mà.

Phong: Nó trông như đĩa bay thôi nhưng đó là ngôi nhà trong tương lai của mình.

Nick: Nó sẽ ở đâu?

Phong: Nó sẽ ở trên núi, được bao quanh bởi nhiều cây cổ thụ to cao.

Nick: Trông nó sẽ như thế nào nhỉ?

Phong: Nó sẽ là một ngôi nhà lớn. Sẽ có 20 phòng trong đó.

Nick: 20 phòng ư! Wow! Thế nó có đẹp không?

Phong: Có chứ, và nó sẽ sử dụng năng lượng mặt trời.

Nick: Tuyệt quá! Phòng nào bạn sẽ thích nhất?

Phong: Phòng ngủ của tớ, đương nhiên rồi.

Nick: Bạn sẽ có những trang thiết bị nào?

Phong: Có lẽ tớ sẽ có 1 ti vi không dây để tớ có thể xem các chương trình từ ngoài không gian hay 1 chú robot thân thiện sẽ giúp tớ làm việc nhà.

Nick: Nghe có vẻ tuyệt quá! Thế bao nhiêu ...

a. Complete the table. (Hoàn thành bảng sau)

b. Read the conversation again. Complete the sentences. (Đọc lại bài hội thoại. Hoàn thành các câu sau).

1. mountain 2. many tall old trees 3. 20 4. wireless TV

**2. Match the words with the pictures. Then, ask your partner about them. (Nối từ với tranh phù hợp. Sau đó hỏi bạn của bạn về chúng).**

1. c 2. a 3. e

4. b 5. d

**3. a. Work with a partner. What adjectives can you think of to describe the houses in 2? (Làm việc với bạn của bạn. Bạn có thể nghĩ đến tính từ nào dùng cho việc miêu tả ngôi nhà trong bài 2?)**

Suggested answers (Câu trả lời gợi ý)

Một vài tính từ thường dùng để miêu tả ngôi nhà:

tall: cao big: to small: nhỏ

beautiful: đẹp nice: tốt, đẹp modem: hiện đại

old: cổ ancient: cổ

b. Ask and answer questions about the pictures. (Hỏi và trả lời các câu hỏi về các bức tranh)

Ví dụ:

A: Ngôi nhà nào bạn thích nhất?

B: Tôi thích lâu đài.

A: Tại sao?

B: Bởi vì nó to!

**4. Read the phrases aloud. Tick (✓) the place where you want your future house to be located and write sentences. (Đọc to các câu sau. Đánh dấu ✓ vào nơi em muốn đặt ngôi nhà trong tương lai của em và viết thành câu).**

Suggestion answer (Câu trả lời gợi ý)

### **5. Game: OUTSIDE MY WINDOW (BÊN NGOÀI CỬA SỔ CỦA TÔI)**

In groups, describe to your classmates what you can see outside the window of your future house. Your group tries to guess where your house is located. (Trong các nhóm, miêu tả với bạn của bạn những điều bạn nhìn thấy bên ngoài cửa sổ căn nhà của bạn. Nhóm của bạn cố gắng đoán xem ngôi nhà của bạn ở đâu).

Ví dụ:

A: Outside my window I can see the beach and the water. I see children playing. Where's my house? (Bên ngoài cửa sổ tớ thấy bãi biển và nước. Tớ thấy bọn trẻ đang vui chơi. Đồ cậu nhà tớ ở đâu?)

B: It's by the sea. (Nó ở gần biển).

A: Correct! (Chính xác!).

***Giải A CLOSER LOOK 1 - SGK trang 40 Tiếng anh 6 mới***

### **VOCABULARY**

**1. Listen and repeat the appliances in the box. Then put them in the appropriate column. (You may use an appliances more than once). (Nghe và lặp lại tên các thiết bị trong bảng. Sau đó đặt chúng vào cột phù hợp. Bạn được phép sử dụng một thiết bị nhiều lần.)**

**2. Match the appliances in A with the things they can or might do in B. (Nối các thiết bị ở cột A với những điều chúng có thể làm ở cột B).**

1 - c 2 - d 3 - b 4 - e 5 - a

Ví dụ:

A: What does a wireless TV do? (Một ti vi không dây có thể làm gì?)

B: It helps US watch TV programmes from space. (Nó giúp chúng ta xem các chương trình ti vi từ ngoài không gian).

### PRONUNCIATION

**4. Listen to the chants. Write the words with the sounds /dr/ and /tr/ in the table. (Lắng nghe bài hát. Viết ra các từ với có chứa âm /dr/ và /tr/ vào bảng)**

**5. Say the words you have written in the table. Pay attention to the sounds /dr/ and /tr/. Can you add some more words. (Đọc những từ bạn viết trong bảng. Chú ý đến âm /dr/ và âm /tr/. Bạn có thể bổ sung thêm các từ khác không?)**

Suggested answers (Câu trả lời gợi ý)

/dr/ dream, driver, drove, dread, drum

/tr/ tree, trick, treat, troop, translate

***Giải A CLOSER LOOK 2 - Trang 41 Tiếng anh 6 mới SGK***

### GRAMMAR (NGỮ PHÁP)

**1. Complete the conversation with will or won't. (Hoàn thành bài hội thoại với will hoặc won't).**

1. will 2. won't 3. will 4. will 5. Will

6. will 7. Will 8. won't 9. Will 10. won't

**Bài dịch:**

Tom: Giáo sư Lin, em có thể hỏi một câu hỏi không ạ? Ô tô trong tương lai sẽ chạy bằng điện phải không ạ?

Giáo sư Lin: Không. Có thể nó sẽ sử dụng nước để chạy.

Tom: Nghe có vẻ tuyệt quá. Xe ô tô trong tương lai sẽ khác như thế nào ạ?

Giáo sư Lin: Thay vì dùng chìa khóa, chúng ta có thể dùng những chiếc thẻ để khởi động xe. Những chiếc thẻ cũng mở cửa được. Chúng sẽ điều khiển nhiệt độ xe nhưng chúng không lái xe được.

Tom: Vậy chiếc xe hơi sẽ có giá bao nhiêu tiền?

Giáo sư Lin: Thầy không rõ, nhưng có lẽ nó không rẻ đâu.

**2. Match the verbs in A with the nouns in B. (Nối các động từ ở cột A với các danh từ ở cột B).**

1. d 2. f 3. a 4. g

5. b 6. h 7. e 8. c

**3. What will appliances do in the future? What won't they do? Using the phrases in 2, tell your partner about them. (Những thiết bị sẽ có thể làm gì trong tương lai? Điều gì chúng không thể làm? Sử dụng các câu trong bài 2, nói cho các bạn của bạn nghe về chúng).**

Ví dụ:

Robots sẽ nấu ăn.

Robots sẽ không thể chăm sóc trẻ em được.

**4. Listen and read the two poems. Then decide whether the statements below are T (True) or F (False). (Nghe và đọc 2 bài thơ. Sau đó quyết định xem những câu phát biểu sau là đúng (T) hay sai (F)).**



Câu đúng: Được + 1 điểm Câu sai: bị - 1 điểm

Ví dụ: Trong tương lai, chúng ta sẽ không đi du lịch ở bãi biển nhưng có thể chúng ta đi du lịch lên mặt trăng.

## **2. Class survey: HOMES IN THE FUTURE (Khảo sát trong lớp: NHỮNG NGÔI NHÀ TRONG TƯƠNG LAI)**

a. Read the questions below. Tick (✓) Yes or No. (Đọc câu hỏi dưới đây. Đánh dấu ✓ chọn Yes hoặc No.)

b. Work in pairs. Use the questions in a to interview your partner. (Làm việc theo cặp. Sử dụng các câu hỏi trong phần a để phỏng vấn bạn của bạn).

### **Bài dịch:**

Ví dụ:

Bạn: Chào Nam. Bạn sẽ sống trong một căn nhà công nghệ cao trong tương lai chứ?

Nam: Ừ phải rồi.

Bạn: Ngôi nhà của bạn sẽ ở trong không gian chứ?

Nam: Ồ không, sẽ không như thế đâu.

Bạn: Thế nó sẽ ở đâu?

Nam: Mình không chắc. Có lẽ nó sẽ gần bờ biển.

c. Tell the class about your interview. (Nói cho cả lớp nghe về cuộc phỏng vấn).

Ví dụ:

Trong tương lai, Nam sẽ sống trong một căn nhà công nghệ cao. Nó sẽ không ở trong không gian. Nó có lẽ ở gần bờ biển.

**Giải SKILLS 1 - SGK Tiếng anh 6 mới trang 44****READING**

**1. Look at the picture and discuss with a partner. (Nhìn vào tranh và thảo luận với bạn của bạn).**

1. It's a hi-tech house.

2. It's on an island.

3. I can see a helicopter, garden, trees, swimming pool ...

4. I can see robots in the kitchen, a TV, a computer, a hi-fi stereo, a clock, a lamp, a table ...in the living room

**2. Quickly read the text. Check your ideas from 1. (Đọc nhanh bài đọc. Kiểm tra lại các ý trong Bài 1)**

**3. Read the text and match the phrases in A with the correct ones in B. (Đọc bài đọc và nối các cụm từ trong cột A với câu đúng trong cột B).**

**Bài dịch:**

Ngôi nhà trong tương lai của mình sẽ ở trên biển. Nó được bao quanh bởi các cây cao và biển xanh. Sẽ có một hồ bơi ở phía trước và một vườn hoa lớn ở phía sau nhà. Sẽ có một chiếc máy bay trực thăng trên mái nhà để mình có thể bay đến trường.

Ngôi nhà trong tương lai của mình sẽ có hệ thống năng lượng mặt trời. Sẽ có một vài con robot trong nhà. Chúng sẽ giúp đỡ mình việc nhà như lau sàn, nấu ăn, giặt quần áo, tưới hoa và cho chó mèo ăn.

Mình sẽ có một TV siêu thông minh trong nhà. Nó sẽ cho mình truy cập Internet, gửi và nhận email, và liên lạc với bạn bè trên các hành tinh khác. Nó cũng sẽ giúp mình đặt thực phẩm từ các siêu thị.

**4. Read the passage again and answer the questions. (Đọc lại đoạn văn và trả lời câu hỏi).**

1. It will be on the ocean.
2. The swimming pool will be in front and the large flower garden behind the house.
3. No, it won't.
4. They will do the housework.

### **SPEAKING**

Describe your house to your partner

**5. Work in pairs. On a piece of paper, draw your future house (don't show your partner). Describe your house to your partner. Your partner will draw the house you describe. (Làm việc theo cặp. Vẽ ngôi nhà tương lai của em trên 1 tờ giấy (đừng cho bạn của em xem). Miêu tả căn nhà của em cho bạn mình nghe. Bạn của em sẽ vẽ ngôi nhà mà em miêu tả.**

Ví dụ:

My house will be on the Moon. It will be large and comfortable. (Ngôi nhà của tớ sẽ ở trên Mặt trăng. Nó sẽ rất rộng và đầy tiện nghi).

**6. Work in groups. Draw the appliances in your future bedroom then talk about them to the group. (Làm việc theo nhóm. Vẽ những thiết bị trong phòng ngủ tương lai của bạn sau đó nói về chúng với nhóm của bạn).**

Ví dụ:

Tôi sẽ có một chiếc điện thoại thông minh để nói chuyện với bạn bè trên các hành tinh khác.

***Giải SKILLS 2 - Trang 45 SGK Tiếng anh 6 mới***

### **LISTENING**

**1. Listen to Nick and Linda talking about their dream houses. Which house would each prefer? Write their names under the correct pictures. (Lắng nghe Nick và Linda nói chuyện về ngôi nhà mơ ước của họ. Mỗi người thích ngôi nhà nào? Viết tên của họ dưới các bức tranh).**

Linda: Picture 3 (villa by the sea, with a swimming pool and a garden)

Nick: Picture 2 (apartment in the city)

Tapescript (Lời ghi âm)

Nick: Can you tell me about your dream house, Linda?

Linda: Well, my dream home is a big villa near the coast with a great view of the sea. It has a swimming pool and it has a garden too.

Nick: What kind of garden?

Linda: A flower garden you know. And my dream house will be a quiet one. You see, no noise.

Nick: My dream house is completely different.

Linda: Really? What is it like?

Nick: It's an apartment in the city. And it has a super cable TV so I can watch films from other planets.

Linda: Oh, that sounds great!

Nick: And I don't need a yard or a garden. In front of the house I want to have a nice park view and in the back, I want to have a great city view.

Linda: That sounds interesting too. But I think it'll be ...

**2. Listen to the conversation again. What is important to Nick? What is important to Linda? Tick (✓) the columns. (Nghe lại bài hội thoại. Việc gì quan trọng đối với Nick? Điều gì quan trọng với Linda? Đánh dấu ✓ vào các cột).**

**WRITING**

**3. Work in pairs. Discuss the following ideas about your dream house. (Làm việc theo cặp. Bàn về các ý kiến sau đây về ngôi nhà của bạn).**

1. What type of house it is? Nó thuộc kiểu nhà nào?
2. Where it is located? Nó nằm ở đâu?
3. What it looks like? Trông nó như thế nào?
4. What surrounds it? Có gì xung quanh nó?
5. What appliances it has? Nó có thiết bị nào?

**4. Now fill in the table about your dream house. (Hoàn thành bảng sau về ngôi nhà mơ ước của em).**

**5. Use the information in 4 to write about your dream house. (Sử dụng thông tin trong phần 4 để viết về ngôi nhà mơ ước của bạn).**

My house in the future

I'd like to have a hi-tech house by the sea because I want to see the beach. I love beautiful scenes at the beach and enjoy the atmosphere there. There will be a lot of trees and flowers surrounding my house. In my house, there will be 5 rooms: two bedrooms, a living room, a kitchen, and a bathroom. The appliances in my house will be modem. Til have a smart TV to surf the Internet and watch interesting programmes, a smart car to move around, a hi-tech robot to help me do my housework and a smartphone to phone and exchange emails with my friends.